

PHẬT NÓI KINH PHẠM VÕNG 62 TÀ KIẾN

Hán Dịch: Đồi Ngô, Ưu Bà Tắc Chi Khiêm.(nước Nguyệt Chi)



Việt Dịch:HT.Chánh Lạc

---o0o---

Nguồn

www.quangduc.com

Chuyển sang ebook 11 - 8 - 2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

---o0o---

Nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại nước Câu Lưu, cùng đông đủ chúng đại Tỳ kheo 1250 vị. Bấy giờ có người ngoại đạo tên là Tu Tỳ và đệ tử là Ma Nạp Phạm Đạt, đi theo sau Phật và chúng Tỳ kheo tăng. Người ngoại đạo Tu Tỳ thì hủy báng Phật, pháp và Tỳ kheo tăng đủ thứ; còn đệ tử là Ma Nạp Phạm Đạt thì lại tán thán Phật, pháp và Tỳ kheo tăng hết lời. Hai thầy trò ông này cùng nhau tranh cãi, mỗi người nói một cách trái ngược nhau suốt thời gian đi theo sau Phật và chúng Tỳ kheo tăng trên đường các ngài cùng đến thọ thỉnh.

Lúc này, đức Phật từ nước Câu Lưu đến nước Xá Vệ, dừng chân ở vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ Đà. Khi đó, các Tỳ kheo hội họp tại giảng đường Ca Lê La, cùng nhau ngồi lại bàn luận:

–Việc này như thế nào? Người ngoại đạo tên là Tu Tỳ và đệ tử là Ma Nạp Phạm Đạt đi theo sau Phật và chúng Tỳ kheo tăng, trong khi các Ngài đi thọ thỉnh. Người ngoại đạo Tu Tỳ thì hủy báng Phật, pháp và Tỳ kheo tăng đủ thứ; còn đệ tử là Ma Nạp Phạm Đạt thì lại tán thán Phật, pháp và Tỳ kheo tăng hết lời.

Đức Phật từ xa nghe rõ các Tỳ kheo đang luận bàn về việc này, Ngài liền đứng dậy đi đến giảng đường, ngồi xuống và hỏi các Tỳ kheo:

–Vừa rồi các ông nhóm họp tại giảng đường Ca Lê La để bàn luận những việc gì ?

Các Tỳ kheo bạch Phật:

-Vừa rồi chúng con cùng nhau nhóm họp để bàn luận việc: “Người ngoại đạo tên là Tu Tỳ và đệ tử là Ma Nạp Phạm Đạt đi theo sau Phật và chúng Tỳ kheo tăng, trong khi các Ngài đi thọ thỉnh. Người ngoại đạo Tu Tỳ thì hủy báng Phật, pháp và Tỳ kheo tăng đủ thứ; còn đệ tử là Ma Nạp Phạm Đạt thì lại tán thán Phật, pháp và Tỳ kheo tăng hết lời”.

Đức Phật dạy:

-Lành thay, này các Tỳ kheo! Khi hội họp thường phải làm hai việc. Những gì là hai?

-Một là thuyết pháp; hai là tư duy.

Đức Phật bảo các Tỳ kheo:

-Nếu có người hủy báng Phật, pháp và Tỳ kheo tăng, các ông chớ có sân hận, sanh tâm ý ác, buồn rầu thì mới tốt. Nếu có người hủy báng Phật, pháp và Tỳ kheo tăng, các ông sanh lòng sân hận, sầu muộn thì các ông sẽ bị suy thoái. Này các Tỳ kheo, nếu có người tán thán Phật, pháp và Tỳ kheo tăng, các ông chẳng nên vui mừng, cũng không sầu lo, cũng chẳng có ý hân hoan nếu chẳng như vậy, các ông sẽ bị suy thoái.

Nếu lại có người hủy báng Phật, pháp và Tỳ kheo tăng, các ông nên nghĩ: “Điều người kia nói không phải là lời nói thành thật. Đức Phật không có những việc như vậy”. Này các Tỳ kheo! Nếu có người tán thán Phật, pháp và Tỳ kheo tăng, các ông nên nghĩ rằng: “Thật có việc này”. Vì sao như vậy? Vì kẻ biết ít chỉ biết theo lời răn dạy không thể nghe nhiều, nên mới chê trách Phật”.

Các Tỳ kheo hỏi đức Phật:

–Sao gọi là kẻ biết ít, chỉ biết theo lời răn dạy không đa văn mới chê trách đức Phật?

Đức Phật dạy:

-Người đó nói rằng: Đức Phật không sát sanh, không kết oán, không cầm dao gậy, dạy người làm thiện, thương yêu tất cả mọi người cho đến loài côn trùng nhỏ bé; cũng không lấy tài vật của kẻ khác, chỉ muốn bố thí, tâm niệm bố thí, thấy người bị kẻ khác cướp đoạt thì thương xót; thân tự làm thanh tịnh, không kết tội kẻ khác, tu phạm hạnh thanh tịnh, thích hạnh thanh tịnh, không thích pháp ái dục xấu ác; cũng không nói dối, lời nói chí thành, thích sự thành thật không hư dối, người thế gian đều tin lời nói của vị ấy, không có ý khác, cũng không vọng niệm, không nói hai lưỡi, rao truyền để hai bên đánh nhau, nếu có tranh tụng thì hòa giải, khiến hai bên được an ổn, không chửi mắng, cũng không nói lời ác, nói ra điều gì cũng khiến cho mọi người hoan hỷ, chỉ nói điều thiện, không nói lời lừa dối, nói lời rất thành thật đúng lúc, hành chánh pháp có nghĩa lý, nói lời dịu dàng; không ngồi giường cao chạm trở đẹp đẽ, cũng không trang sức hương hoa, không nghe ca hát múa xướng, không uống rượu; cũng không đeo vàng bạc châu báu, thường đúng pháp khát thực, không ăn sai giờ, không nhận nô tỳ trai gái, không hủy diệt mầm lúa, cũng không nuôi gà, dê, heo, không có nhà cửa; cũng không mua bán ở chợ búa, không dùng cân, đấu thước, tác để lừa đảo, xâm đoạt của người; đối với việc dùng dao gậy, đánh đập khủng bố người đều xa lìa.

Thí như người ngoại đạo tham đắm việc ăn uống, lấy đó để so sánh với đức Phật, họ cất chứa nhiều lúa thóc để ăn, uống rượu, nuôi súc vật, y phục, thuốc men. Sa môn Cù Đàm đều không có những việc ấy.

Thí như ngoại đạo, thọ nhận đồ ăn của tín thí rồi mà còn thường làm những nghiệp si mê, mặc sức ra vào, bài báng ganh tị, chỉ muốn tự mình được cung kính. Còn đức Phật thường xa lìa nghiệp si mê này.

Thí như ngoại đạo, đã thọ nhận đồ ăn của tín thí rồi mà còn ở trong làng xóm, tích chứa nhà cửa, lúa thóc, cây cối, hoa quả, vườn rau cải, tự giữ lấy để ăn dùng. Đức Phật thì xa lìa những việc ấy.

Có người ngoại đạo đã thọ nhận đồ ăn của tín thí rồi mà còn ngồi nằm giường cao rộng trải tơ, lấy vàng bạc tốt đẹp khảm lên trên, rồi lấy nệm làm bằng các loại lông voi, ngựa, súc sanh, các loài chim bay trải lên tòa ngồi. Còn đức Phật thì đều xa lìa các việc này.

Thí như có người ngoại đạo đã thọ nhận đồ ăn của tín thí rồi mà còn cùng nhau hỏi rằng:

–Vua là thế nào? Giặc là thế nào? Binh đội là thế nào? Đánh nhau là thế nào? Đại thân là thế nào? Quận, nước, huyện, ấp là thế nào? Nữ nhân là thế nào? Dân dật là thế nào? Nói toàn chuyện thế gian, nói cả về việc biển khơi ...

Còn đức Phật thì đều xa lìa các việc ấy.

Có người ngoại đạo đã thọ nhận đồ ăn của tín thí rồi mà còn hành động hư dối, giả làm như thật, ứng hiện trong ngoài không ăn khớp nhau, tỏ vẻ xuất sắc để cầu tài lợi, thường tham đắm chuyện ăn uống. Còn đức Phật thì đều xa lìa kiến chấp si mê này.

Có người ngoại đạo đã thọ nhận đồ ăn của tín thí rồi mà còn cùng nhau tranh cãi cho rằng:

–Ta biết pháp luật, người chẳng biết pháp luật người là tà kiến há có thể biết pháp sao? Ta là chánh kiến còn người thì ngôn ngữ trước sau điên đảo, ta là chánh kiến, người là tà kiến, người bị thua, ta được thắng, người là xấu, người là biên kiến, đến độ không còn thọ nhận lời nói của ta, người nên học hành, có gì để bảo chứng?

Đức Phật thì xa lìa quả báo của hàng súc sanh ấy.

Có người ngoại đạo đã thọ nhận đồ ăn của tín thí rồi mà còn thường chơi cờ xu bồ, bài bạc, còn nói:

–Ta được ném thả vào túi, leo lên trụ, chơi cờ vua, đấu ghé, ném chén.

Còn đức Phật thì đều xa lìa các việc này.

Có người ngoại đạo đã thọ nhận đồ ăn của tín thí rồi mà còn khi tắm rửa, thì dùng tạp hương xoa vào mình, tự làm đẹp, lấy gương tự soi, cầm dù lọng cao, mang giày da, búi tóc, dùng châu ngọc. Còn đức Phật thì đều xa lìa các việc như thế.

Có người ngoại đạo đã thọ nhận đồ ăn của tín thí rồi mà còn thường làm việc ác, lấy tay đánh chân, dùng đầu mặt xúc chạm nhau, đấu voi, ngựa, trâu, dê, đấu người nam, người nữ và trẻ em, đấu gà, heo, vịt. Còn đức Phật thì đều xa lìa những tà kiến ác kiến này.

Có người ngoại đạo đã thọ nhận đồ ăn của tín thí rồi mà còn làm nghiệp của hàng súc sanh để tự mưu sống, biết phân biệt về dao, mâu, cung tên, phân biệt tướng nam, tướng nữ, người lớn, trẻ nhỏ, biết phân biệt tướng voi, ngựa, trâu, dê. Còn đức Phật thì đều xa lìa các việc ấy.

Có người ngoại đạo đã thọ nhận đồ ăn của tín thí rồi mà còn làm nghiệp của hàng súc sanh để tự mưu sống, làm thầy thuốc cho đàn ông, đàn bà, con nít, làm thầy thuốc cho voi, ngựa, trâu, dê. Còn đức Phật thì đều xa lìa các việc như vậy.

Có người ngoại đạo đã thọ nhận đồ ăn của tín thí rồi mà còn làm nghiệp của hàng súc sanh để tự mưu sống. Làm các việc về quỷ thần, tạo ra các thứ áo quần, làm thầy thuốc chữa mắt, làm thuốc cho phụ nữ mới sanh, làm chú cho người bị nhiễu loạn. Khi người nữ lui tới thì cầm cây cỏ hóa thành đồ ăn ngon cho họ ăn, bèn dối trá bảo là đi tìm vật tốt để hóa ra y phục cho người mặc vào có thể bay được. Còn đức Phật thì đều xa lìa những việc ấy.

Có người ngoại đạo đã thọ nhận đồ ăn của tín thí rồi mà còn làm nghiệp của hàng súc sanh để tự mưu sống: cho người uống thuốc để nôn mửa. Còn đức Phật thì đều xa lìa các việc như thế.

Có người ngoại đạo đã thọ nhận đồ ăn của tín thí rồi mà còn dùng nghiệp súc sanh để tự mưu sống, bảo người đi tới chỗ này chỗ nọ, dùng chú thuật khiến cho gây lộn, kiện cáo, cùng đánh đập người, vật ngã xuống đất, dùng chú khiến phụ nữ bị hư thai, dùng cây lau chú thuật khiến bám vào tay người. Còn đức Phật thì đều xa lìa những việc này.

Có người ngoại đạo đã thọ nhận đồ ăn của tín thí rồi mà còn dùng nghiệp của hàng súc sanh để tự mưu sống, cầm củi đốt lửa, chú vào hơi độc của vỏ cây á phiện, hạt bồ đào để tạo ra khói, chú vào con chuột để cắn giết người, học chú thuật để biết người lúc nào sống lúc nào chết. Còn đức Phật thì đều xa lìa các việc như thế.

Có người ngoại đạo đã thọ nhận đồ ăn của tín thí rồi mà còn làm nghiệp của hàng súc sanh để tự mưu sống: Một người nói: “Sẽ có mưa lớn”; một người

nói: “Sẽ có mưa nhỏ”; một người nói: “Lúa thóc sẽ chín”; một người nói: “Lúa thóc sẽ không chín”; một người nói: “Lúa thóc sẽ tốt”; một người nói: “Lúa thóc sẽ không tốt”; một người nói: “Sẽ có bệnh dịch lớn”; một người nói: “Không có”; một người nói: “Sẽ có giặc đến phá hoại nước này”; một người nói: “Sẽ có chết chóc lớn”; một người nói: “Sẽ có vua băng hà”; một người nói: “Sẽ có lập vua mới”; một người nói: “Sẽ có động đất lớn”; một người nói: “Không có động đất”; một người nói: “Sẽ có nguyệt thực”; một người nói: “Không có nguyệt thực”; một người nói: “Sẽ có nhật thực”; một người nói: “Không có nhật thực”; một người nói: “Mặt trời từ đông qua tây”; một người nói: “Từ tây qua đông”; một người nói: “Mặt trăng tinh tú từ đông qua tây”; một người nói: “Từ tây qua đông, do đó mà có việc tốt xấu”; một người nói: “Do đó cho nên mặt trời, mặt trăng từ đông qua tây”; một người nói: “Do đó cho nên mặt trời, mặt trăng, tinh tú xuất hiện”; một người nói: “Do đó cho nên mặt trời, mặt trăng, tinh tú lặn”; một người nói: “Mây sẽ che mặt trời”; một người nói: “Mặt trời sẽ ra khỏi mây”; một người nói: “Mặt trời sẽ trong, không có mây”. Còn đức Phật thì đều xa lìa những việc ấy.

Có người ngoại đạo đã thọ nhận đồ ăn của tín thí rồi mà còn làm nghiệp của hàng súc sanh để tự mưu sống. Một người nói: “Vua nước này sẽ qua tàn phá nước kia, vua nước kia sẽ lại tàn phá nước này”, một người nói: Xe, ngựa, sáu thứ súc vật của nước này ít, giải mộng cho người, dùng chú thuật khiến người không nói được, khiến cho người câm khẫu; vì người mà viết sách nói lên giá trị của họ, vì người mà lấy áo quần để so sánh phẩm giá của họ, phân biệt màu sắc tốt xấu để đánh giá họ. Còn đức Phật thì đều xa lìa những việc như vậy.

Đức Phật dạy:

-Sa môn ngày ăn một bữa, chiều không ăn, ăn đúng giờ, xa lìa việc ăn phi thời, đối với y bát, thực hành hạnh biết vừa đủ, ăn uống vừa no thì thôi, có đi đâu cũng đều mang theo y bát bên mình, thí như con chim bay đi đâu cũng có hai cánh bên thân. Tỳ kheo cũng như vậy, đối với áo quần, việc ăn uống, bình bát đều vừa đủ thì thôi, dù đi đến đâu cũng mang theo y bát bên mình; Tỳ kheo cũng như vậy, thọ trì, phụng hành lời răn dạy của hiền giả, tự quán thân mình, không có tranh cãi, luôn suy nghĩ về đạo, làm việc hợp với sự thật, thấy sắc không khởi tưởng, cũng không xem người cùng đánh nhau, giữ sự tịch tĩnh liên tục, không có si mê loạn động; Các pháp ác bất thiện, không vừa lòng, không nên để chúng làm loạn tâm mình, phải giữ gìn con mắt. Đó gọi là Tỳ kheo phụng hành giới phẩm của bậc hiền giả.

Hiền giả như vậy, các căn tịch tĩnh, đối với bên trong không nghĩ về sự tranh giành gây loạn, ăn uống chỉ nhằm vừa đủ, không ăn nhiều cũng không ăn ít, thấy thích ứng là được, thường ăn một bữa, không thêm không bớt, nhằm nuôi mạng sống chứ không phải để cho mập béo, chỉ để cho thân được an ổn, không thọ khô, có khí lực để tu tập hành hóa.

Nếu có Tỳ kheo ở thời đương lai, nên tôn thờ và hành trì giới của bậc hiền thiện này, đối với bậc hiền thiện nên ăn uống đủ no, phải suy tư về đạo, đầu đêm, cuối đêm phải hành đạo, thực hành đạo niệm vi diệu, không lay động, ban ngày hoặc ngồi, hoặc đi kinh hành, không nghĩ đến pháp ác, đầu đêm hoặc đi kinh hành, hoặc ngồi, nửa đêm nằm nghiêng hông bên phải, hai chân chồng lên nhau, ý tưởng luôn thức tỉnh, thường nhớ nghĩ về ánh sáng, cuối đêm lại ngồi suy tư về đạo. Lúc kinh hành thì không nghĩ đến pháp ác. Nếu đi vào quận, huyện, làng ấp để khát thực, thì sáng sớm ngủ dậy, đắp y mang bát đi vào những nơi chôn ấy để khát thực phải luôn gìn giữ các căn, thường nghĩ đến việc khát thực cho xong, dùng cơm xong, rửa tay, rửa chân, cất bát, liền vào chỗ vắng về một mình, ban đêm ngồi thiền, hoặc ở bên gốc cây vắng vẻ, hoặc chỗ đất trống, hoặc giữa núi, trong hang động, hoặc trong nhà cỏ, hay bên ao đầm, ngồi ngay thẳng, không ngó bên này, không liếc bên kia, liả bỏ sự si mê của thế gian, ý nhớ nghĩ về sự hành hóa, không có ý ác, lấy tâm từ bi thương xót tất cả mọi người kể cả các loại côn trùng nhỏ bé, ý cũng không nghĩ ác, trừ bỏ ái dục, xa liả sự ham ngủ nghỉ, thường nghĩ đến việc mau đạt được tâm ý hành định, mà không nghĩ đến việc ngủ nghỉ, từ bỏ các tướng còn do dự, không nói điều ác, cũng không nghĩ tưởng về điều ác, giữ lòng tịch định, xa liả sự nghi ngờ bên ngoài, xả bỏ các tướng về việc hành chẳng hành các pháp ác, ý cũng chẳng nhớ nghĩ về các tướng ấy, trừ bỏ năm thứ ngăn che và những ý tưởng về phiền não.

Thí như có người mang tiền đi buôn, mong được như ý, khi trở về quê, lợi tức thường được dư dả, sinh sống đầy đủ, người đó tự nghĩ, trong lòng vui mừng.

Thí như có người từ lâu đã làm tội tở cho người ta, nay được thoát khỏi thân nô tỳ, ra vào tự tại, tự nghĩ: “Ta vốn làm nô tỳ, nay được giải thoát để làm dân”, người đó tự nghĩ, trong lòng vui mừng.

Thí như có người bị nhốt trong lao ngục, được ân xá mà ra khỏi ngục, người đó tự nghĩ, trong lòng vui mừng.

Thí như có người bị bệnh nặng, năm này qua năm nọ không lành, bỗng gặp được lương y chữa cho lành bệnh, có khí lực, đi đứng ra vào, ăn uống tự nhiên. Người đó suy nghĩ: “Lúc xưa bị bệnh quanh năm, nay được lành bệnh, lại có khí lực ăn uống, ra vào”, người đó tự nghĩ, trong lòng vui mừng.

Thí như có người đem tài vật quý báu đi qua đường hiểm, tài vật được giữ gìn hoàn toàn an ổn, đến được con đường tốt, người đó tự nghĩ, trong lòng vui mừng.

Tỳ kheo cũng như vậy, xa lìa năm thứ ngăn che tâm ý. Thí như người mắc nợ đã trả được nợ; người bị cầm tù nay được thả ra; người bệnh lâu ngày được lành; người làm tội tở nay được về làm dân, như người qua đường hiểm nay được an lành, trong lòng hoan hỷ.

Đức Phật bảo:

–Kẻ thiếu trí hoặc không đa văn mới hủy báng Phật.

Đức Phật dạy:

–Pháp mà ta hiểu thì thâm diệu, điều mà ta biết thì rất ráo. Hiền giả đệ tử nghe như vậy liền khen ngợi đức Như Lai.

Đức Phật nói:

–Sao gọi đó là pháp thâm diệu mà ta hiểu rõ, hiền giả đệ tử nghe pháp ấy liền tán thán đức Như Lai?

Đức Phật dạy:

-Nếu có ngoại đạo, ở trong kiếp quá khứ, thấy sự việc quá khứ, đối với vô số học thuyết, mỗi mỗi đều học hỏi các sự việc biết các sự việc ấy, đều ở trong mười tám thứ kiến giải này.

Nếu có ngoại đạo, ở trong kiếp vị lai, thấy việc vị lai, học hỏi nơi sự việc vị lai trong vô số học thuyết, mỗi mỗi rõ biết từng việc, thấy đều ở trong bốn mươi bốn thứ kiến giải.

Nói về mười tám thứ kiến giải thuộc về kiếp quá khứ:

Có ngoại đạo, hành theo “Thường kiến” luôn tự cho “Thế gian là hữu thường”, ở trong bốn kiến giải.

Đức Phật dạy:

-Người ngoại đạo kia vì sao trong bốn kiến giải đều thấy là thường, tự thuyết giảng cho người thế gian về “Hữu thường”? Nếu có ngoại đạo, đoạn trừ ái dục, hành thiền định, liền ở trong tam muội chánh thọ Như Kỳ Tượng, có thể nhớ sự việc trong hai mươi kiếp ở quá khứ. Người đó nói: “Ngã và thế gian là hữu thường”, vì sao như vậy? Ta biết lúc thành lúc bại ở kiếp quá khứ, nhưng không biết lúc thành lúc bại ở kiếp vị lai. Người đó liền nghĩ: “Biết việc quá khứ, bỏ việc vị lai”. Đó là kiến giải thứ nhất.

Thứ hai, nếu có ngoại đạo, đoạn trừ ái dục, ở trong tam muội chánh thọ Như Kỳ Tượng, có thể nhớ được sự việc trong bốn mươi kiếp ở vị lai. Người đó nói: “Ngã và thế giới là hữu thường”. Vì sao vậy? Vì ta không biết sự việc thành bại ở kiếp quá khứ, chỉ biết lúc thành lúc bại ở kiếp vị lai. Người đó bèn bỏ việc quá khứ không biết đến, chỉ nghĩ đến việc vị lai. Đó là kiến giải thứ hai.

Thứ ba là nếu có ngoại đạo, đoạn trừ ái dục, tinh tấn hành thiền, nhờ định ý tam muội Như Kỳ Tượng, nhớ sự việc trong tám mươi kiếp ở quá khứ và vị lai. Người đó bèn nói: “Ngã và thế giới là hữu thường”. Vì sao vậy? Vì ta biết lúc thành lúc bại ở kiếp vị lai và quá khứ. Người đó bèn nhớ nghĩ đến trí tuệ của quá khứ và vị lai. Đó là kiến giải thứ ba.

Thứ tư là nếu có ngoại đạo, tinh tấn tịch tĩnh, nhất tâm đoạn trừ hạnh ác, liền được định ý tam muội Như Kỳ Tượng, nhớ đến căn tịch tĩnh, trụ nơi niệm si. Người ấy tự cho: “Thế gian là hữu thường”. Vì sao vậy? Vì ta không biết lúc thành lúc bại ở kiếp quá khứ, cũng không biết lúc thành lúc bại ở kiếp vị lai. Đó là kiến giải thứ tư.

Chỗ có thể gọi ngoại đạo là “nói thường, thấy thường, tự vì người thế gian thuyết giảng hữu thường”, đều ở trong bốn kiến giải này không thể vượt lên trên. Như Lai đều biết rõ, biết một cách vi diệu vượt hơn thế nữa, cho nên Ngài không chấp trước, nhờ không chấp trước nên được giải thoát, đức Như Lai biết sự thọ nhận (thống dương) do xúc sanh ra đã diệt tận, biết nó từ đâu sanh khởi, đức Phật thấy vậy nên không chấp nhận, ý hiểu rất rõ.

Đức Phật dạy: “Pháp mà ta hiểu hết sức thâm diệu, vô cùng sâu xa sáng tỏ, nếu có hiền giả đệ tử nghe được pháp đó liền tán thán Phật”.

Có ngoại đạo trong kiếp quá khứ, thấy việc quá khứ, nhớ đến việc quá khứ, đối với vô số học thuyết, đều thích nói là biết những việc trong quá khứ, tất cả đều ở trong mười tám kiến giải. Ngoại đạo này sao gọi là ở trong kiếp quá khứ, thấy việc quá khứ, nhớ đến việc quá khứ, đối với vô số học thuyết, đều thích nói là biết những việc trong đó? Nếu có ngoại đạo đều “nói thường, thấy thường” họ đều vì người thế gian thuyết “hữu thường” đều ở trong bốn kiến giải. Vị ngoại đạo ấy sao gọi là “thuyết thường, thấy thường”, vì người thế gian nói “thường”? Khi kiếp hoại, thì chúng sinh nơi hạ giới được sanh lên trời A Vệ Hóa La thứ mười hai. Lúc kiếp hoại thì vị thiên đó phước đức cạn mỏng, mạng chung liền sanh xuống hạ giới. Có vị Phạm thiên sanh trong cõi hư không, bèn đối với vị đó tự xưng là: “Đại Tôn phạm”, tự cho “ta làm ra tất cả mọi sự, ta là thượng tôn, là cha của tất cả, giải nghĩa cho ngàn người ta là bậc Tôn thượng”. Vị Phạm thiên ấy tự nghĩ: “Làm thế nào để có được người sanh ở đây?”. Vị ấy vừa nghĩ như vậy, những người ở hạ giới khác liền được sanh lên trên trời. Bấy giờ vị Phạm thiên kia nhân điều mới thấy đó, nên nói: “Ta hóa sanh ra các người này”. Các người đó cũng tự sanh kiến giải cho rằng: “Vị Phạm thiên đã hóa sanh ra chúng ta. Vì sao vậy? Vì Phạm thiên sanh trước, chúng ta sanh sau, cho nên hóa sanh ra chúng ta là vị Phạm thiên sanh trước”. Ngài hết sức đoan chánh đẹp đẽ và thanh khiết, oai thần vòi vọi. Còn chư thiên khác thì tùy theo phước đức cạn mỏng mà mạng hết dần dần sanh xuống nhân gian. Các vị ấy tu hành tinh tấn, xa lìa ái dục, hành nhất tâm liền được định ý tam muội Như Kỳ Tượng, nên nhớ lại chỗ sanh khi xưa, người đó nói: “Vị Phạm thiên sanh ra ở trên trời trước tiên đó thì được thường tại, không di chuyển, cũng không chết; Vị Phạm thiên trên trời luôn tồn tại, hóa sanh ra chúng ta là những người phi thường (vô thường), bị di chuyển và bị chết”, đó là chủ thuyết thường và vô thường, gọi là kiến chấp thứ nhất.

Hai là nếu có ngoại đạo, vị đó đối với Phạm thiên nêu bày kiến giải như thế này: “Nếu có các pháp sắc, thống dương (thọ), tư tưởng, hành, thức, pháp ấy là thường, cũng không di chuyển, không chết. Còn các đại như địa chủng, thủy chủng, hỏa chủng, phong chủng và không chủng, những thứ này là vô thường, không bền chắc”. Vị Phạm thiên ấy, lộc tướng phước đức cạn mỏng, mạng chung lại sanh xuống nhân gian, vị đó tinh tấn, xa lìa ái dục, nhất tâm định ý theo pháp tam muội Như Kỳ Tượng, nhớ lại Phạm thiên lúc trước, bèn nói: “Các pháp như sắc, thọ (thống dương), tư tưởng (tưởng), hành, thức kia là pháp thường còn bền chắc. Còn các đại như địa chủng, thủy chủng,

hỏa chủng, phong chủng và không chủng ở nhân gian này là pháp vô thường, không bền chắc, có diệt vong”. Đó là kiến giải thứ hai.

Thứ ba nếu có ngoại đạo, chủ trương: “Có vị trời tên là Kỳ Đà Ba Đồ, ở trên cõi trời cùng nhau vui chơi, vì vui chơi nên sau đó thường không nhớ lại lúc thân thể bị bệnh nằm liệt giường, vị đó thân tướng, pháp lộc, phước đức cạn mỏng, mạng chung sanh xuống nhân gian, vị đó thực hành hạnh tinh tấn, xa lìa ái dục, nhất tâm nên được định ý tam muội Như Kỳ Tượng, nhớ lại chỗ sanh đời trước, liền nói: “Sự vui sướng an lạc của vị trời kia luôn tồn tại, chẳng dời đổi, chẳng diệt vong. Còn sự vui sướng của nhân gian là vô thường không bền chắc, bị tử vong. Vị thiên kia là hữu thường, còn người nhân gian này là vô thường”. Đó là kiến giải thứ ba.

Thứ tư nếu có ngoại đạo chủ trương: “Có vị trời tên là Tán Đề, vị đó ở trên trời cùng với vị trời tên là Đôn Bình, hai bên nhìn nhau sanh ra sân hận nên phải xa lìa tòa ngai của mình, vị thiên nhân ấy lộc tướng phước đức cạn mỏng, mạng chung sanh xuống nhân gian, tu hành tinh tấn, xa lìa ái dục, nhất tâm liền được định ý tam muội Như Kỳ Tượng, nhớ lại thuở xưa đã sanh ở thiên thượng, vị đó nói: “Chư thiên kia cùng nhau vui chơi thỏa thích là thường trụ, bền chắc không có tử vong. Còn ta ở nhân gian thì chẳng thường, không bền chắc, bị tử vong. Vị chư thiên kia là thường còn, ta ở nhân gian là vô thường”. Đó là kiến giải thứ tư.

Đức Phật dạy:

-Các ngoại đạo, mỗi mỗi đều chủ trương “hữu thường”, mỗi mỗi đều vì người thế gian nói “hữu thường” đều ở trong bốn kiến giải này, không thể vượt hơn bốn kiến giải ấy. Đức Phật đều biết rõ, còn hiểu biết vượt hơn thế nữa bằng sự hiểu biết tuyệt diệu. Do đó Ngài không chấp trước cũng không hủy báng nên được vô vi (Niết bàn), Ngài biết sự thọ nhận do xúc sanh ra, biết phương tiện để thoát khỏi kiến giải, nhờ không có thọ nên được giải thoát. Pháp mà đức Phật biết thì thâm diệu, sáng tỏ, Ngài đều biết rõ tất cả. Nếu có hiền giả đệ tử nghe biết pháp ấy đều tán thán đức Như Lai.

Nếu có ngoại đạo, ở trong kiếp quá khứ, thấy việc quá khứ, nhớ lại việc trong thời quá khứ, đối với vô số học thuyết, mỗi mỗi đều thích nói, hiểu rõ những việc đó, đều ở trong mười tám kiến giải, là đối tượng nhận thức của đạo nhân. Sao gọi là có ngoại đạo nói: “Ta tự nhiên sanh ở đây, không phải từ nơi khác sanh đến”, nghĩ: “Không có từ đâu sanh đến”, thấy rằng: “Vốn không có thế gian, nay có thế gian”. Đều ở trong hai kiến giải ấy.

Sao gọi là những điều ngoại đạo đã biết, nói rằng: “Ta tự nhiên sanh ở đây, không phải từ phương khác sanh đến, nhớ là không có thể gian, nay lại có thể gian”: “Có một vị trời tên là Vô tướng, nhập vào vô tướng, không có thọ nhận, vị thiên nhân ấy nếu nghĩ đến tư tướng, lộ phước đức liền cạn mỏng, mạng chung sanh xuống nhân gian, người đó tu hành tinh tấn, xa lìa ái dục, nhất tâm định ý, liền nhập vào tam muội Như Kỳ Tượng, không thể nhớ lại thưở xưa từ đâu sanh đến, người đó liền nói: “Vốn không có thể gian, nay mới có thể gian, thưở xưa ta vốn không có, nay bỗng tự nhiên sanh”. Đó là kiến giải thứ nhất.

Thứ hai nếu có ngoại đạo ý niệm si mê, người si mê ấy nghĩ rằng: “Vốn không có thể gian, nay bỗng nhiên có thể gian, ta vốn không có, nay tự nhiên sanh ra có”. Vì sao như vậy? Vì ta vốn không có, nay tự nhiên sanh ra có. Gọi là “Vốn không có thể gian”. Đó là kiến giải thứ hai.

Các ngoại đạo kia chủ trương: “Ta vốn không từ đâu sanh”, nghĩ là “không từ đâu sanh”. Kiến giải này gọi là “Bỏ pháp thể gian, nay bỗng có thể gian”, đều ở trong hai kiến giải này. Đó là hai kiến giải không thể vượt lên trên. Đức Phật biết rõ, còn vượt lên trên bằng sự hiểu biết tuyệt diệu nữa. Do đó Ngài không chấp trước, cũng không hủy báng nên được vô vi (Niết bàn). Đức Phật biết sự thọ nhận do xúc sanh ra, Ngài còn biết phương tiện từ đâu phát sanh kiến giải này, nên ý hiểu rất rõ.

Đức Phật dạy:

–Pháp mà ta biết thì thâm diệu, hết sức sáng tỏ, ta biết tất cả. Nếu có hiền giả đệ tử nghe biết như vậy liền tán thán Phật.

Nếu có ngoại đạo, ở trong kiếp quá khứ, thấy việc quá khứ, nhớ nghĩ hành động lúc quá khứ, đối với một số chủ trương đều thích nói là hiểu rõ việc quá khứ đều ở trong mười tám kiến giải này.

Có ngoại đạo, một người nói: “Những điều tôi thấy là có giới hạn”, một người cho: “Những điều tôi thấy là không có giới hạn”, một người nêu: “Những điều tôi thấy là có giới hạn, không có giới hạn”, một người cho là: “Những điều tôi thấy là không có giới hạn, cũng không có giới hạn”, tất cả đều ở trong bốn kiến giải này. Ngoại đạo đó đối tượng nhận thức của họ là những gì ?

Nếu có ngoại đạo hành như vậy: Tự vì người thế gian giảng nói về “hữu hạn”. Chỉ có lời nói ta là chơn thật, ngoài ra đều là lời nói hư vọng si cuồng. Tự vì người thế gian giảng nói về “vô hạn”, nói rằng: “Ngã và thế gian là hữu hạn, vô hạn, ngã và thế gian cũng không hữu hạn, cũng không vô hạn”, sau đó cũng là lời nói hư vọng. Nói như vậy là lời nói điên cuồng. Vì sao? Vì ta thấy thế gian là “hữu hạn”. Đó là kiến giải thứ nhất.

Thứ hai nếu có ngoại đạo chủ trương: “Điều ta làm và thấy là vô hạn”, nghĩa là “ngã và thế gian là vô hạn”. Ngoại đạo ấy làm như vậy, thấy như vậy, gọi là “ngã và thế gian là vô hạn”. Người ấy nói rằng: “ngã và thế gian là vô hạn”, chỉ có lời nói của ta là chơn thật, ngoài ra là si mê. Có người nói ngược lại: “ngã và thế gian vừa hữu hạn, vừa vô hạn, ngã và thế gian cũng không hữu hạn, cũng không vô hạn”. Ai nói lời nói đó là nói cuồng si. Vì sao như vậy? Vì “Ngã và thế gian là vô hạn”. Đó là kiến giải thứ hai.

Thứ ba có ngoại đạo chủ trương: thấy như vậy hành như vậy, cho: “ngã và thế gian vừa hữu hạn, vừa vô hạn”. Chỉ có lời nói của ta là chơn thật, ngoài ra đều là lời vọng ngữ, si cuồng. Kẻ khác thì nói ngược lại: “ngã và thế gian vừa hữu hạn, vừa vô hạn; ngã và thế gian cũng không hữu hạn, cũng không vô hạn”. Ai nói như vậy là nói lời si cuồng. Vì sao như vậy? Vì “ngã và thế gian vừa hữu hạn, vừa vô hạn”. Đó là kiến giải thứ ba.

Thứ tư có ngoại đạo chủ trương: “Ta nhớ như vậy, làm theo kiến giải như vậy. Nghĩa là “ngã và thế gian cũng không hữu hạn, cũng không vô hạn”. Chỉ có lời nói của ta là chơn thật, ngoài ra đều là lời hư vọng si cuồng. Ngược lại có người nói: “Ngã và thế gian là hữu hạn, ngã và thế gian là vô hạn, ngã và thế gian vừa hữu hạn, vừa vô hạn”, nói như vậy là nói lời si cuồng. Vì sao? “Ngã và thế gian cũng không hữu hạn, cũng không vô hạn”. Đó là kiến giải thứ tư.

Đức Phật dạy:

- Các ngoại đạo có người nói: “Ngã và thế gian hữu hạn”, có người bảo “vô hạn”, có người cho “vừa hữu hạn vừa vô hạn”, đều ở trong bốn kiến giải này, không thể vượt lên trên bốn kiến giải ấy. Đức Phật đều biết những điều đó, lại còn vượt lên trên bằng sự hiểu biết một cách tuyệt diệu hơn nữa, cho nên Ngài không chấp trước, không hủy báng mà được vô vi (Niết bàn). Ngài biết sự thọ nhận là do xúc sanh ra, biết phương tiện để thoát ra khỏi nó, không chấp vào các thọ, nên Ngài được hoàn toàn giải thoát.

Đức Phật dạy:

–Pháp mà ta biết thì thâm diệu, hết sức sáng tỏ, nếu có hiền giả đệ tử nghe biết pháp ấy liền tán thán đức Phật.

Nếu có ngoại đạo đối với kiếp quá khứ, thấy việc quá khứ, nhớ nghĩ đến chỗ đã sanh thọ trước, đối với vô số học thuyết đều ưa thích thuyết giải những việc ấy, đều ở trong mười tám kiến giải. Các ngoại đạo ấy cùng nhau tranh luận mỗi người mỗi cách. Nếu có người hỏi sự việc liên cùng nhau đấu tranh lời nói, ngôn giáo khác nhau: “Ta sẽ dạy đạo như vậy, người kia sẽ dạy như vậy, người khác sẽ dạy như vậy, người nên như vậy, không nên như vậy”, đều ở trong bốn kiến giải ấy.

Các ngoại đạo ấy cùng nhau tranh thuyết, sao gọi là chủ thuyết mỗi người khác nhau? Có các ngoại đạo thấy như vậy, hành như vậy, nói rằng: “Ta không biết cũng không thấy có đời sau hay không có đời sau, ta không biết cũng không thấy là nhất thiết không có đời sau. Ta vốn không thấy không biết, không nhớ việc này, như ta đã nói không phải như người khác đã nói”. Người ấy tự dùng lời nói riêng của mình: “Sự thấy của ta là chơn thật, ngoài ra đều si mê”.

Đức Phật dạy:

–Người chấp thủ tà kiến si mê ấy, khi thân chết đọa vào cõi ác Nê Lê.

Nếu có Sa môn, bà la môn, biết được nhiều nghề, trí tuệ thông tỏ, nhận xét đúng đắn về ý nghĩa, lời nói không khác, danh tiếng đồn xa, trừ bỏ kiến chấp của kẻ khác, có ai đến chỗ vị ấy để hỏi, vị ấy cũng chẳng thể bắt buộc theo ý kiến của mình, như cho ngoại đạo kia chết bị đọa vào nẻo ác. Đó là kiến giải thứ nhất.

Thứ hai, có ngoại đạo chủ trương: vị ngoại đạo ấy thấy như vậy, nói như vậy: “Ta không biết có sự tai ương hay phước đức của việc thiện ác? Cũng không biết đến là không có sự tai ương và phước đức của việc thiện, ác. Tôi cũng không biết cũng không thấy. Nếu nói như thế, có tai ương hay phước đức của sự thiện ác, thì tôi chấp nhận; hoặc không có tai ương, phước đức của việc thiện, ác, thì tôi không chấp nhận; nếu tôi không chấp nhận nó sẽ cảm thọ trở lại.

Nếu Sa môn, Bà la môn việc làm có nhiều hiểu biết, giải thuyết một cách trí tuệ, nghĩa lý chắc thật, lời lẽ không thay đổi, tiếng tăm đồn xa, hủy bỏ kiến chấp của kẻ khác, đi đến chỗ nào, nếu có ai hỏi thì không bắt buộc họ theo ý mình. Ngoại đạo ấy, nghi ngờ sợ sệt có người đến hỏi, nếu có người đến hỏi liền cùng nhau tranh thuyết rằng: “Bảo người này phải như thế này, người khác phải như thế khác, nên như vậy, không nên như vậy, cũng nên như vậy, không nên như vậy. Đó là kiến giải thứ hai.

Thứ ba có ngoại đạo chủ trương: ngoại đạo ấy thấy như vậy, nói như vậy: “Nếu không có ngã thì sao gọi là thiện, sao gọi là ác, nên làm những gì và không nên làm những gì, đâu là nẻo thiện, đâu là nẻo ác, đâu là sự thật đời này, đâu là sự thật đời sau, thường nên làm những gì thì bị khổ, thường nên làm những gì thì được vui?” Nếu có Sa môn, Bà la môn việc làm có nhiều hiểu biết, nghĩa lý xác thực, lời lẽ không thay đổi, tiếng tăm đồn xa, hủy bỏ kiến giải của kẻ khác, có ai đến hỏi: “Thiện ác ở chỗ nào? Những gì nên làm và những gì không nên làm? Đâu là con đường của thiện ác? Sự thật của đời này và đời sau ở chỗ nào? Thường phải làm những gì đưa đến khổ vui?”. Họ đến hỏi như vậy, không nên bày xử lý, sợ rơi vào nẻo ác. Nếu có người đến hỏi việc như vậy, liền cùng nhau tranh cãi, lời nói khác nhau: “Dạy người này nên làm như vậy, dạy người khác nên làm như kia, dạy người này nên như vậy, cũng nên như vậy, không nên như vậy”. Đó là kiến giải thứ ba.

Thứ tư có ngoại đạo chủ trương: ngoại đạo ấy ý nghĩ si mê, nếu có người đến hỏi việc, liền cùng nhau tranh cãi, lời nói khác nhau: “Dạy người này nên như vậy, dạy người khác nên như kia, nên như vậy, không nên như vậy, cũng nên như vậy, cũng không nên như vậy, không như vậy, cũng nên như vậy, cũng không như vậy”. Đó là kiến giải thứ tư.

Yù nghĩa mà các ngoại đạo cùng nhau tranh luận, cũng nói lời lẽ khác nhau, nếu có người đến hỏi, liền cùng nhau tranh luận: “Dạy người này nên làm như vậy, dạy người khác nên làm như kia, nên như vậy, không nên như vậy, cũng nên như vậy, cũng không nên như vậy”, đều ở trong bốn kiến giải ấy, không thể vượt lên trên bốn kiến giải ấy. Phật đều biết rõ, Ngài còn biết hơn thế nữa bằng sự hiểu biết tuyệt diệu, do đó Ngài không chấp trước cũng không hủy báng, nên được vô vi (Niết bàn). Ngài biết sự thọ nhận do xúc sanh ra, biết theo phương tiện để thoát ra khỏi thọ hiện tại mà ý được giải thoát hoàn toàn.

Đức Phật dạy:

–Pháp mà ta biết thì thâm diệu, chói sáng vô cùng, ta biết rõ hết. Nếu có hiền giả đệ tử nghe biết pháp ấy liền tán thán Phật.

Nếu có ngoại đạo, đối với kiếp quá khứ, biết việc quá khứ, nhớ việc làm lúc quá khứ, đối với vô số học thuyết, ưa giải thích những việc ấy, đều ở trong mười tám kiến giải này, đó là mười tám kiến giải không thể vượt lên trên được. Đức Phật đã biết như vậy, còn vượt lên bằng sự hiểu biết tuyệt diệu, do đó Ngài không chấp trước, cũng không hủy báng, hiện tại không còn chấp thọ nên được giải thoát hoàn toàn.

Đức Phật dạy:

–Pháp mà ta biết được rất thâm diệu, sáng tỏ vô cùng, ta biết rõ tất cả. Nếu có hiền giả đệ tử nghe biết pháp ấy liền tán thán Phật.

Nếu có ngoại đạo, đối với kiếp đương lai, nhớ nghĩ việc đương lai, hành theo vô số học thuyết, ưa thích giảng nói những việc ấy, đều ở trong bốn mươi bốn kiến giải. Các ngoại đạo ấy đã biết những gì mà đối với kiếp đương lai, biết việc đương lai, hành theo vô số học thuyết, ưa giải thích những việc ấy. Nếu có ngoại đạo hành theo tướng nhận thức theo tướng, tự vì người thế gian mà thuyết tướng, ở trong mười sáu kiến giải. Ngoại đạo ấy đã biết những gì mà hành theo tướng nhận thức theo tướng, vì người thế gian nói về tướng, ở trong mười sáu kiến giải này? Ngoại đạo ấy đã thấy như vậy, làm như vậy: “Có ngã sắc là có tướng về đời sau”, chỉ có lời nói của ta là chơn thật, ngoài ra là si mê. Đó là kiến giải thứ nhất.

Nếu có ngoại đạo nói rằng: “Vô sắc là hữu ngã, không có đời sau”, lời nói của ta chơn thật, ngoài ra là si mê. Đó là kiến giải thứ hai.

Nếu có ngoại đạo, hành theo tướng nhận thức theo tướng, tự vì người thế gian nói về tướng rằng: “Có sắc, không sắc, có ngã”, lời nói của ta chơn thật, ngoài ra là si mê. Đó là kiến giải thứ ba.

Nếu có ngoại đạo nói: “Cũng không có sắc, cũng không vô sắc là hữu ngã”, lời nói của ta chơn thật, ngoài ra là si mê. Đó là kiến giải thứ tư.

Thứ năm, nếu có ngoại đạo nói: “Ngã là hữu hạn”, lời nói của ta là chơn thật, ngoài ra là si mê. Đó là kiến giải thứ năm.

Thứ sáu, nếu có ngoại đạo nói: “Hữu ngã là vô hạn”, lời nói của ta chơn thật, ngoài ra là si mê. Đó là kiến giải thứ sáu.

Thứ bảy, nếu có ngoại đạo nói: “Hữu ngã là hữu hạn, vô hạn”, lời nói của ta chơn thật, ngoài ra là si mê. Đó là kiến giải thứ bảy.

Thứ tám, nếu có ngoại đạo nói: “Hữu ngã cũng không hữu hạn, cũng không vô hạn”, lời nói của ta chơn thật, ngoài ra là si mê. Đó là kiến giải thứ tám.

Thứ chín, nếu có ngoại đạo nói: “Hữu ngã là nhất tướng”, lời nói của ta chơn thật, ngoài ra là si mê. Đó là kiến giải thứ chín.

Thứ mười, nếu có ngoại đạo nói: “Hữu ngã là ít tư tướng”, lời nói của ta chơn thật, ngoài ra là si mê. Đó là kiến giải thứ mười.

Thứ mười một, nếu có ngoại đạo nói: “Hữu ngã là lớp lớp các tư tướng”, lời nói của ta chơn thật, ngoài ra là si mê. Đó là kiến giải thứ mười một.

Thứ mười hai, nếu có ngoại đạo nói: “Hữu ngã là vô số tư tướng”, lời nói của ta chơn thật, ngoài ra là si mê. Đó là kiến giải thứ mười hai.

Thứ mười ba, nếu có ngoại đạo nói: “Hữu ngã là nhất lạc (hoàn toàn vui)”, lời nói của ta chơn thật, ngoài ra là si mê. Đó là kiến giải thứ mười ba.

Thứ mười bốn, nếu có ngoại đạo nói: “Hữu ngã là khổ”, lời nói của ta chơn thật, ngoài ra là si mê. Đó là kiến giải thứ mười bốn.

Thứ mười lăm, nếu có ngoại đạo nói: “Hữu ngã là vừa khổ vừa vui”, lời nói của ta chơn thật, ngoài ra là si mê. Đó là kiến giải thứ mười lăm.

Thứ mười sáu, nếu có ngoại đạo nói: “Hữu ngã cũng không khổ không vui”, lời nói của ta chơn thật, ngoài ra là si mê. Đó là kiến giải thứ mười sáu.

Đức Phật dạy:

-Ngoại đạo mà “hành theo tướng nhận thức theo tướng”, tự vì thế gian nói về tướng, đều ở trong mười sáu kiến giải này, không thể vượt lên trên được. Đức Phật đều biết những việc ấy, Ngài còn hiểu biết hơn thế nữa, sự hiểu biết của Phật là tuyệt diệu, cho nên Ngài không chấp trước cũng không hủy báng mà được vô vi; Ngài biết sự thọ nhận do xúc sanh ra, biết phương tiện

để thoát ra khỏi nó; Ngài hiện tại không chấp các thọ nên ý được giải thoát hoàn toàn.

Đức Phật dạy:

–Pháp mà ta biết thì thâm diệu, hết sức sáng tỏ, ta biết tất cả. Nếu có hiền giả đệ tử nghe biết như vậy liền tán thán Phật.

Nếu có ngoại đạo đối với kiếp đương lai, thấy việc đương lai, nhớ nghĩ việc làm quá khứ, đối với vô số học thuyết, ưa thích giải thuyết những việc làm ấy đều ở trong bốn mươi bốn kiến giải. Những ngoại đạo ấy đã nói những gì ?

1.Nếu có ngoại đạo “hành vô thường, nhận thức vô thường”, tự vì người thế gian nói “vô thường” đều ở trong tám kiến giải. Ngoại đạo ấy đã làm những gì mà gọi là “hành vô tướng, nhận thức vô tướng”, tự vì người thế gian nói “vô tướng”?

Ngoại đạo ấy thấy như vậy, hành như vậy: “Hữu ngã vô tướng là hữu sắc, chết rồi không có đời sau”, chỉ có lời nói của ta là chơn thật, ngoài ra là si mê. Đó là kiến giải thứ nhất.

2.Nếu có ngoại đạo đã biết những gì mà gọi: “hành vô tướng, nhận thức vô tướng”, tự vì người thế gian nói “vô tướng”? Đó là “Hữu ngã vô tướng là vô sắc, chết rồi không có đời sau”, chỉ có lời nói của ta là chơn thật, ngoài ra là si mê. Đó là kiến giải thứ hai.

3.Nếu có ngoại đạo nói: “Hữu ngã vô tướng là hữu sắc vô sắc, chết rồi không có đời sau”, chỉ có lời nói của ta là chơn thật, ngoài ra là si mê. Đó là kiến giải thứ ba.

4.Nếu có ngoại đạo nói: “Hữu ngã và thế gian là cũng không có sắc cũng không vô sắc, chết rồi không có đời sau”, chỉ có lời nói của ta là chơn thật, ngoài ra là si mê. Đó là kiến giải thứ tư.

5.Nếu có ngoại đạo nói: “Ngã và thế gian là hữu hạn”, chết rồi không có đời sau”, chỉ có lời nói của ta là chơn thật, ngoài ra là si mê. Đó là kiến giải thứ năm.

6.Nếu có ngoại đạo nói: “Ngã và thế gian là vô hạn, chết rồi không có đời sau”, lời nói của ta là chơn thật, ngoài ra là si mê. Đó là kiến giải thứ sáu.

7.Nếu có ngoại đạo nói: “Vừa hữu hạn vừa vô hạn”, lời nói của ta là chơn thật, ngoài ra là si mê. Đó là kiến giải thứ bảy.

8.Nếu có ngoại đạo nói: “Cũng không hữu hạn, cũng không vô hạn”, lời nói của ta là chơn thật, ngoài ra là si mê. Đó là kiến giải thứ tám.

Đức Phật dạy:

-Nếu có ngoại đạo đối với kiếp đương lai, thấy việc đương lai, sự hiểu biết và lời nói khác nhau, đều ở trong bốn mươi bốn kiến giải. Ngoại đạo ấy đã biết những gì mà nói “nhận thức vô tướng, hành vô tướng, cũng không nhận thức vô tướng” gọi là biết: “Ngã và thế gian là không có tướng”, đều ở trong tám kiến giải này.

1.Kiến giải thứ nhất là nếu có ngoại đạo thấy như vậy, hành như vậy: “Hữu ngã là hữu sắc, cũng không có tướng, cũng không vô tướng, chết rồi có đời sau”, lời nói của ta chơn thật, ngoài ra là si mê. Đó là kiến giải thứ nhất.

2.Nếu có ngoại đạo nói: “Hữu ngã là hữu sắc, vô sắc, cũng không có tướng, cũng không vô tướng, chết rồi có đời sau”, lời nói của ta chơn thật, ngoài ra là si mê. Đó là kiến giải thứ hai.

3.Nếu có ngoại đạo nói: “Hữu ngã là hữu sắc, vô sắc, cũng không có tướng, cũng không vô tướng đối với đời sau”, lời nói của ta chơn thật, ngoài ra là si mê. Đó là kiến giải thứ ba.

4.Nếu có ngoại đạo nói: “Hữu ngã cũng không có sắc, cũng không vô sắc, cũng không hữu tướng cũng không vô tướng nơi đời sau”, lời nói của ta chơn thật, ngoài ra là si mê. Đó là kiến giải thứ tư.

5.Nếu có ngoại đạo nói: “Hữu ngã là hữu hạn, cũng không hữu tướng cũng không vô tướng nơi đời sau”, lời nói của ta chơn thật, ngoài ra là si mê. Đó là kiến giải thứ năm.

6.Nếu có ngoại đạo nói: “Hữu ngã là vô hạn, cũng không hữu tướng cũng không có vô tướng nơi đời sau”, lời nói của ta chơn thật, ngoài ra là si mê. Đó là kiến giải thứ sáu.

7.Nếu có ngoại đạo nói: “Hữu ngã vừa hữu hạn vừa vô hạn, cũng không hữu tướng cũng không vô tướng nơi đời sau”, lời nói của ta chơn thật, ngoài ra là si mê. Đó là kiến giải thứ bảy.

8.Nếu có ngoại đạo nói: “Hữu ngã cũng không hữu hạn cũng không vô hạn, cũng không hữu tướng cũng không vô tướng nơi đời sau”, lời nói của ta chơn thật, ngoài ra là si mê. Đó là kiến giải thứ tám.

Đức Phật dạy:

-Nếu có ngoại đạo nói: “Cũng không hữu tướng, cũng không vô tướng hành, cũng không có tướng, cũng không thấy vô tướng, cũng không có hành hữu tướng, cũng không thấy hữu tướng, cũng không thấy vô tướng, cũng không có hành hữu tướng, cũng không thấy hữu tướng”, đều ở trong tám kiến giải này, không thể vượt lên trên tám kiến giải này. Đức Phật đều biết những điều ấy, Ngài còn biết hơn thế nữa bằng sự hiểu biết tuyệt diệu, cho nên Ngài không chấp trước cũng không hủy báng mà được vô vi (Niết bàn). Ngài biết sự thọ nhận do xúc sanh ra, Ngài biết phương tiện thoát ra khỏi nó, hiện tại Ngài không có chấp trước nên ý hoàn toàn giải thoát”.

Đức Phật dạy:

–Pháp mà ta biết thì thâm diệu, vô cùng sáng tỏ, ta biết tất cả. Nếu có hiền giả đệ tử nghe biết pháp ấy liền tán thán Phật.

Đức Phật dạy:

-Nếu có ngoại đạo, ở kiếp đương lai, thấy việc đương lai, đối với vô số học thuyết có sự hiểu biết và lời nói khác nhau, đều ở trong bốn mươi bốn kiến giải này. Ngoại đạo ấy biết những gì mà nói như vậy? Nếu có ngoại đạo nói “không hành, không có nhận thức, không có người nghĩ biết về không” đều ở trong bảy kiến giải. Ngoại đạo ấy nói: “Không hành, không có nhận thức, không có người nghĩ về cái “không”, họ biết như thế nào mà nói như vậy?

1.Nếu có ngoại đạo thấy như vậy: “Các sắc tứ đại của ta, do cha mẹ sanh ra, do ăn uống trường tồn, tắm rửa mặc y phục, nhưng nó là vật vô thường, thân chết trở về đất, xương cốt các thứ nơi thân rơi rớt mỗi thứ một nơi, gió thổi vào thân, tan nát hư hoại, đến đời sau không còn sống chết nữa, như vậy liền tiêu diệt hết. Đó là kiến giải thứ nhất.

2.Lại có ngoại đạo nói: “Chết rồi không phải như vậy, tuy tan hoại nhưng còn có cái ngã vượt hơn thế nữa. Đâu là chỗ ngã này vượt lên trên? Cái ngã ấy là ở cõi Sắc và cõi Dục hành. Còn ngã kia nếu chết thì hủy hoại, đời sau không còn sanh tử nữa”. Đó là kiến giải thứ hai.

3.Nếu có ngoại đạo nói: “Ngã là cái mà chết rồi không có hủy hoại như vậy, lại có cái ngã khác còn vượt hơn nó, cái ngã ấy là sắc vô ý, còn ngã kia nếu chết hủy hoại, đời sau không còn sanh tử trở lại nữa”. Đó là kiến giải thứ ba.

4.Lại có ngoại đạo nói: “Ngã không như cái chết hủy hoại này, lại có cái ngã còn vượt lên trên nữa. Sao gọi cái ngã ấy như vậy? Vì ngã ấy vượt qua các cõi trời Sắc tướng, vượt qua cõi trời Tướng giận dữ, nhớ vô số các thứ hư không tri hành, ngã ấy nếu chết thì hủy hoại, đời sau không còn sanh tử nữa”. Đó là kiến giải thứ tư.

5.Lại có ngoại đạo nói: “Ngã này không phải như cái chết hủy hoại, còn có cái ngã vượt lên trên nó. Sao gọi cái ngã ấy như vậy? Vì ngã ấy vượt qua cõi trời Nhất Thiết hư không tri, cõi trời Vô ương số danh thức tri, cõi trời Sở niệm hành kỳ, nếu chúng không hủy hoại, đời sau không còn sanh tử nữa”. Đó là kiến giải thứ Năm. Lại có ngoại đạo nói: “hủy hoại, đời sau không còn sanh tử trở lại nữa”. Đó là kiến giải thứ năm.

6.Lại có ngoại đạo nói: “Ngã ấy không giống như cái chết hủy hoại này, lại có cái ngã còn vượt lên trên nó nữa. Sao gọi cái ngã ấy như vậy? Vì ngã ấy vượt qua cõi trời Nhất Thiết thức tri, không còn chấp trước danh, vượt qua cõi trời Vô thức tri niệm hành kỳ. Ngã ấy chết rồi thì hủy hoại, đời sau không còn sanh tử trở lại nữa”. Đó là kiến giải thứ sáu.

7.Lại có ngoại đạo nói: “Ngã ấy không giống như cái chết hủy hoại này, lại có cái ngã còn vượt lên trên nó nữa. Sao gọi cái ngã ấy như vậy? Vì ngã ấy vượt qua cõi trời Nhất thiết vô thức tri, vị thiên nhân ấy là thuộc cõi trời Vô tướng hữu tướng niệm hành. Ngã này khi chết thì hủy hoại, đời sau không còn sanh tử trở lại nữa”. Đó là kiến giải thứ bảy.

Đức Phật dạy:

-Cái có thể gọi là ngoại đạo chủ trương: “Hành, nhận thức về diệt hoại, không hành, không có tướng, không người niệm không”, đều ở trong bảy kiến giải này. Ở trong bảy kiến giải này, không thể vượt lên trên được. Đức

Phật đều biết những sự kiện ấy, còn vượt lên nó bằng sự hiểu biết tuyệt diệu, cho nên Ngài không chấp trước, cũng không hủy báng mà được vô vi, Ngài biết sự thọ nhận do xúc sanh ra, Ngài biết cách thoát ra khỏi nó, hiện tại Ngài không còn chấp trước nên ý được giải thoát hoàn toàn. Pháp mà Ngài biết thì thâm diệu, vô cùng sáng tỏ, biết một cách trọn vẹn. Nếu có hiền giả đệ tử nghe biết pháp ấy liền tán thán công đức của Phật.

Đức Phật dạy:

-Nếu có ngoại đạo đối với kiếp đương lai, thấy việc đương lai, đối với vô số học thuyết, chủ trương khác nhau, đều ở trong bốn mươi bốn kiến giải này. Lại có ngoại đạo tự chủ trương: “Hiện nay nhớ nghĩ về hành theo vô vi, hiện tại nhận biết về vô vi (Niết bàn), đều ở trong năm kiến giải này.

1.Có ngoại đạo thấy như vậy, nói hành cũng như vậy rằng: “Ở trong cung điện đề tự hoan lạc, dùng năm thứ dục lạc để tự vui thích. Người đó nói: “Ngã hiện tại đạt được vô vi (Niết bàn)”. Đó là kiến giải thứ nhất.

2.Lại có ngoại đạo nói không giống như những người khác rằng: “Có ngã hiện tại được vô vi, lại có cái hiện tại được vô vi”. Sao gọi là “hiện tại, vô vi”? Nếu Tỳ kheo lìa dục, lìa pháp ác bất thiện, ý niệm hành thiện an lạc, được đệ nhất thiên, người ấy diệt tận cái ngã, đời sau không còn sanh tử trở lại nữa. Ngã này hiện tại được Vô vi. Đó là kiến giải thứ hai.

3.Lại có Sa môn, đạo nhân nói: “Không như những người khác đã nói, không cho là ngã này hiện tại được vô vi”, lại còn có cái hiện tại vô vi cao hơn nữa. Sao gọi là “Hiện tại vô vi?”. Đó là Tỳ kheo diệt ý, bên trong được định tịch tĩnh, giữ ý chí chuyên nhất, không nghĩ cũng không hành, tam muội sanh hỷ lạc, liền được Đệ Nhị Thiên. Người đó hoàn toàn vắng lặng hiện tại được vô vi. Đó là kiến giải thứ ba.

4.Lại có Sa môn, đạo nhân nói: “Không như những người khác đã nói, không cho là ngã này hiện tại được vô vi”, lại còn có cái hiện tại vô vi vượt lên trên nữa. Sao gọi là “Hiện tại vô vi?”. Đó là Tỳ kheo an vui, xa lìa dâm dật, ưa thích hành quán, thân hành được tịch tĩnh, an vui. Như sự hành quán của hiền giả thường được an ổn, liền được Đệ Tam Thiên. Đó là kiến giải thứ tư.

5.Lại có Sa môn đạo nhân nói: “Không như những người khác đã nói, không dùng điều này hiện tại được vô vi”, lại có cái hiện tại vô vi còn vượt lên trên

nữa. Sao gọi là “Hiện tại vô vi?”. Đó là có vị Tỳ kheo đoạn trừ lạc, đoạn trừ khổ, trước đó không có cái thích hợp ý và cái không thích hợp ý, cũng không khổ, cũng không vui, thường tôn thờ sự thanh tịnh, liền được Đệ Tứ Thiên. Người đó hiện tại được diệt tận vô vi, do đó đời sau không còn sanh tử trở lại nữa. Đó là kiến giải thứ năm.

Đức Phật dạy:

-Ý nghĩa gọi là có Sa môn đạo nhân chủ trương: “Hiện tại vô vi, người thấy hiện tại vô vi, người nhớ hiện tại vô vi”, đều ở trong năm kiến giải này, không thể vượt lên trên năm kiến giải ấy. Đức Phật đều biết chỗ kiến giải ấy, Ngài còn hiểu biết hơn thế nữa bằng sự hiểu biết tuyệt diệu, do đó Ngài không chấp trước, cũng không hủy báng nên được vô vi, Ngài biết sự thọ nhận do xúc sanh ra, Ngài biết nỗ lực để thoát khỏi nó, hiện tại Ngài không còn chấp trước nên ý được hoàn toàn giải thoát. Pháp mà Ngài biết thì thâm diệu, vô cùng sáng tỏ, biết một cách trọn vẹn. Nếu có hiền giả đệ tử nghe biết pháp ấy liền tán thán công đức của Phật.

Đức Phật dạy:

-Ngoại đạo kia “Nhớ nghĩ về thường, nhận thức về thường” giảng nói cho người nghe rằng: “Ngã và thế gian là thường tại”, đó là ở trong bốn kiến giải này, vì dùng “bất tri” để chỉ bày, cho nên không được “đạo hạnh tinh tấn”. Vì biết “Đây là sự tập khởi nơi nhân duyên, không tập khởi nơi nhân duyên, dùng cái này thì nhân duyên thành, dùng cái này thì nhân duyên không thành, không được chỗ này”.

Đức Phật dạy:

-Ngoại đạo ấy nói: bậc trên và giữa, các sự kiện biểu hiện, tự mình giảng thuyết rõ “thế gian thường còn” ở trong hai kiến giải này, dùng cái không biết, không thấy, không được đạo hạnh tinh tấn mới biết: “Đây là sự tập khởi nơi nhân duyên, không tập khởi từ nhân duyên, dùng cái này thì nhân duyên thành, dùng cái này thì nhân duyên không thành, không được chỗ này”.

Đức Phật dạy:

-Nếu có ngoại đạo đều “Nhớ nghĩ về thường, nhận thức về thường” rồi nói cho người: “Ngã và thế gian là hữu thường”, ở trong bốn kiến giải này, vì dùng cái không tri, không kiến nên không đắc đạo, tập khởi từ nhân duyên,

không tập khởi từ nhân duyên, dùng cái này thì nhân duyên thành, dùng cái này thì nhân duyên không thành, không đạt được chỗ này.

Đức Phật dạy:

-Các ngoại đạo kia, có người nói: “Ngã và thế gian là hữu hạn”, có người bảo “Vô hạn”, có người cho: “Vừa hữu hạn vừa vô hạn, có người nêu cũng không hữu hạn, cũng không vô hạn” đều ở trong bốn kiến giải này, dùng cái không tri, không kiến, không được đạo hạnh tinh tấn nên biết đó là “tập khởi từ nhân duyên, không tập khởi từ nhân duyên, dùng cái đó thì nhân duyên thành, dùng cái này thì nhân duyên không thành, không đạt được chỗ ấy”.

Đức Phật dạy:

-Các ngoại đạo ấy, cùng nhau tranh luận chủ thuyết không giống nhau, đều ở trong bốn kiến giải này, dùng cái không biết, không thấy nên không tu tập đạo hạnh tinh tấn, mới biết : “Đây là tập khởi từ nhân duyên, không tập khởi từ nhân duyên, dùng cái này thì nhân duyên thành, dùng cái này thì nhân duyên không thành, không đạt được chỗ này”.

Đức Phật dạy:

-Các ngoại đạo kia vì người “thuyết giảng về tướng, hành tướng” rằng: “Ngã và thế gian là hữu tướng”, đều ở trong mười sáu kiến giải này, dùng cái không biết, không thấy nên được đạo hạnh tinh tấn, mới biết “Đây là tập khởi từ nhân duyên, không tập khởi từ nhân duyên, dùng cái này nhân duyên thành, dùng cái này nhân duyên không thành, không đạt được chỗ này”.

Đức Phật dạy: -

Các ngoại đạo kia, cũng không niệm tướng, cũng không vô tướng, vì người nói “Ngã và thế gian là vô tướng” ở trong tám kiến giải này, vì không tri, không kiến nên không được đạo hạnh tinh tấn, để biết: “Đây là tập khởi từ nhân duyên, không tập khởi từ nhân duyên, dùng cái này nhân duyên thành, dùng cái này nhân duyên không thành, không đạt được chỗ này”.

Đức Phật dạy:

-Các ngoại đạo kia chủ trương “hoại diệt”, thường nói cho mọi người: “Ngã và thế gian là hoại diệt”, ở trong bảy kiến giải. Do không tri, không kiến nên

không được đạo hạnh tinh tấn, để biết: “Đây là tập khởi từ nhân duyên, không tập khởi nhân duyên, dùng cái này thì nhân duyên thành, dùng cái này thì nhân duyên không thành, không đạt được chỗ này”.

Đức Phật dạy:

-Các ngoại đạo kia, chủ trương “hiện tại là vô vi (Niết bàn), nhưng thấy hiện tại là vô thường, vì người giảng nói “hiện tại vô vi”, ở trong năm kiến giải vì không tri, không kiến nên không được đạo hạnh tinh tấn để biết: “Đây là tập khởi từ nhân duyên, không tập khởi từ nhân duyên, dùng cái này nhân duyên thành, dùng cái này nhân duyên không thành, không đạt được chỗ này”.

Đức Phật dạy:

-Nếu có ngoại đạo nói, đối với kiếp quá khứ, thấy việc quá khứ, đối với vô số học thuyết, mỗi mỗi chủ trương khác nhau, đều ở trong mười tám kiến giải này. Các ngoại đạo kia đối với kiếp đương lai, thấy việc đương lai, đối với vô số học thuyết, chủ trương khác nhau, đều ở trong bốn mươi bốn kiến giải này.

Hiệp lại tất cả đều ở trong sáu mươi hai kiến giải này, qua lại trong sáu mươi hai kiến giải ấy, nằm gọn trong đó, chết nghẹt trong cái lưới kiến giải mà không thể thoát ra ngoài.

Đức Phật dạy:

-Thí như người đánh cá lành nghề hay học trò của ông ta, dùng cái lưới có lỗ nhỏ, bao phủ trên cái ao nhỏ, khi thả lưới xong, người đánh cá hoặc đứng phía trước ao, hoặc ngồi, suy nghĩ rằng: “Các con cá bơi lội trong cái ao nhỏ đều bị mắc trong lưới, vùng vẫy trong lưới không thể thoát ra được”.

Đức Phật dạy:

-Các ngoại đạo cũng như vậy, đối với trong kiếp quá khứ, thấy việc quá khứ, đối với vô số học thuyết, chủ trương khác nhau, đều ở trong mười tám kiến giải này. Nếu có ngoại đạo đối với kiếp đương lai, thấy việc đương lai, đối với vô số học thuyết khác nhau, đều ở trong bốn mươi bốn kiến giải này. Đều qua lại trong sáu mươi hai kiến giải này, sống chết, an trụ ở trong đó, cùng nhau gập gỡ hợp thành trong cái lưới ấy mà không thoát ra được.

Đức Phật dạy:

–Này Tỳ kheo! thân của Phật đã đoạn trừ hết các chấp trước. Ngài thường dùng thân này để chửi Thiên và loài người có thể thấy được. Sau khi Ngài đã nhập Bát Niết bàn rồi thì không thể thấy nữa.

Khi đức Phật nói kinh này, ba ngàn đại thiên thế giới hiện rõ sáu cách chấn động. Bấy giờ Tỳ kheo Na Da Hòa Lưu ở trước đức Phật, lấy quạt quạt Phật. Khi ấy hiền giả Na Da Hòa Lưu quỳ dài chấp tay bạch Phật:

–Thật chưa từng thấy bậc Thiên Trung Thiên nói kinh thâm diệu và hết sức sáng tỏ này. Bạch Thế Tôn, kinh này gọi là gì? Và làm sao để thọ trì ?

Đức Phật dạy Na Da Hòa Lưu:

–Phật Câu Lô Tàn, Như Lai, Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, khi nói kinh này tên là “Phạm Võng”, Phật Ca Diếp, Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, khi thuyết kinh này tên là “Kiến Võng”, nay ta cũng nói kinh này tên là “Phạm Võng”.

Đức Phật nói như vậy, các Tỳ kheo đều hoan hỷ, đến trước đức Phật đánh lễ rồi lui ra.

KINH PHẠM VÕNG 62 TÀ KIẾN

--- o0o ---
Hết